

NGHỊ QUYẾT IX CỦA ĐẢNG VÀ THỰC TIỄN CUỘC SỐNG

MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

NGUYỄN ĐÌNH HOÀ (\*)

**Đ**ẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển nguồn nhân lực trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ có những biến đổi nhanh chóng như ngày nay được coi là những phương thức cơ bản, quan trọng nhất để cải biến một xã hội nông nghiệp, lạc hậu thành một xã hội công nghiệp, văn minh. Hai quá trình này không tách rời, biệt lập nhau; trái lại, chúng có mối quan hệ chặt chẽ, tác động biện chứng. Kết quả là, sự cộng hưởng giữa chúng tạo nên quá trình phát triển liên tục của xã hội.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình tạo ra những chuyển biến về chất theo hướng tích cực và hiện đại trong toàn bộ các hoạt động của đời sống xã hội, trước hết là hoạt động sản xuất vật chất. Trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng đã khẳng định, công nghiệp hoá, hiện đại hoá là "quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính, sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công

ng nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao"(1). Kinh nghiệm của các nước đi trước và thực tiễn của chúng ta trong gần 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới đã cho thấy, để sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá thắng lợi và trên cơ sở đó, tạo nên một sự thay đổi mang tính cách mạng trong đời sống xã hội, cần thiết phải có sự tham gia và tác động của một hệ thống các nguồn lực; trong đó, yếu tố quan trọng hàng đầu, đóng vai trò quyết định chính là nguồn lực *con người*.

Thực vậy, trong mối quan hệ và tác động qua lại với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, yếu tố con người luôn giữ vị trí, vai trò quyết định. Điều đó được thể hiện ở chỗ, *thứ nhất*, con người là chủ thể của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; *thứ hai*, con người là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội, và *thứ ba*, do vậy, con người là động lực cơ bản nhất của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta hiện nay.

(\*) Tiến sĩ triết học, Viện Triết học.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá VII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 42.

Dù xét dưới góc độ kinh tế, xã hội hay kỹ thuật, công nghệ thì yếu tố nguồn nhân lực vẫn luôn là chủ thể của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Thực tế cho thấy, quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá sẽ không thể thực hiện thành công nếu thiếu nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực có chất lượng cao nói riêng. Một mặt, nguồn nhân lực là lực lượng duy nhất có khả năng phát hiện, xác định mục tiêu, nội dung và những giải pháp tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Mặt khác, với những ưu thế hơn hẳn (so với các nguồn lực khác), như có thể khai thác không bao giờ cạn..., nguồn nhân lực là lực lượng căn bản nhất thực hiện quá trình đó. Trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ có những bước phát triển và tác động ngày càng mạnh vào đời sống xã hội như hiện nay, nguồn nhân lực được xem là yếu tố cơ bản nhất trong hệ thống các nguồn lực của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là một trong những nguyên nhân của tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, phát triển nguồn nhân lực trở thành yếu tố quan trọng nhất và có ảnh hưởng mang tính quyết định đối với sự thành, bại của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Thực tiễn của nước ta cũng như của các nước đi trước đã chứng minh rằng, quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá diễn ra với tốc độ nhanh hay chậm, đạt được hiệu quả cao hay thấp... là do sự quy định của nhiều yếu tố, trong đó, trước hết và chủ yếu là tuỳ thuộc vào chất lượng nguồn nhân lực. Sức mạnh của con người không phải chỉ thể hiện ở một số khía cạnh, như tri thức, trí tuệ, chất xám hay năng lực cơ bắp, mặc dù những yếu tố đó là cực kỳ quan trọng, đặc biệt là trong điều kiện hiện nay. Trong nhiều trường hợp, sức

mạnh của con người còn được hình thành, nuôi dưỡng và phát huy bởi sự dũng cảm, tinh thần dám nghĩ dám làm, năng lực sáng tạo... Lý thuyết hiện đại về sự tăng trưởng kinh tế và những bài học kinh nghiệm rút ra từ những thành công trong quá trình phát triển xã hội của Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs) ở châu Á cho thấy, người ta không chỉ chú trọng áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới hoặc phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng, mà vấn đề then chốt hơn là *phát triển nguồn nhân lực*. Trong đó, mọi đầu tư đều tập trung hướng vào việc giải phóng lao động, tăng năng suất lao động xã hội. Phát triển nguồn nhân lực cũng có nghĩa là tạo điều kiện, cơ hội cho mọi người tiếp cận với các dịch vụ xã hội cần thiết, như giáo dục - đào tạo, chăm sóc y tế...

Một khía cạnh quan trọng khác cần được đặc biệt lưu ý là, trong điều kiện hiện nay, một đất nước, quốc gia nào đó trở nên giàu có hay nghèo đói, phát triển hay trì trệ... không phải do họ có nhiều hay ít về số lượng lao động, vốn, kỹ thuật và tài nguyên thiên nhiên, mà chủ yếu là ở khả năng *phát huy tiềm năng sáng tạo* của nguồn lực con người. Nghiên cứu những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thành công của các nước châu Á có nền công nghiệp phát triển, như Nhật Bản, Hàn Quốc..., nhiều ý kiến cho rằng đó không phải là do họ có công nghệ mới, mà trước hết và chủ yếu là ở chỗ, các nước này biết kết hợp giữa những thành tựu khoa học, công nghệ của phương Tây với tinh thần dân tộc và đặc biệt là biết cách phát huy năng lực sáng tạo của con người. Cách đây hơn một thế kỷ, khi nói về vai trò của yếu tố con người đối với sự phát triển, trước hết là sự phát triển trong lĩnh vực sản xuất, Ph.Ăngghen

đã nhấn mạnh rằng, "... chỉ có phương tiện cơ giới và hoá học phù trợ thì không đủ. Còn cần phải phát triển một cách tương xứng năng lực của con người sử dụng những phương tiện đó nữa"(2). Trong xu thế toàn cầu hoá và mở rộng quan hệ giao lưu quốc tế như hiện nay, các nước có thể khắc phục sự yếu kém về kỹ thuật, công nghệ thông qua con đường chuyển giao, nhập khẩu hoặc gia tăng nguồn vốn bằng cách vay từ các ngân hàng, quỹ phát triển của thế giới. Nhưng, người ta lại không thể nhập khẩu hay vay mượn được khả năng sáng tạo của con người. Vì thế, có thể khẳng định rằng, năng lực sáng tạo nói riêng và chất lượng nguồn nhân lực nói chung là yếu tố nội sinh quan trọng nhất của sự phát triển xã hội, đặc biệt là trong điều kiện cách mạng khoa học, công nghệ và xu hướng vươn tới nền kinh tế tri thức của thế giới hiện nay.

Sự phát triển của nguồn nhân lực nước ta trong thời gian qua đã có những đóng góp quyết định vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Xét riêng khía cạnh kinh tế, theo đánh giá của Tổ chức Ngân hàng Thế giới, liên tục trong nhiều năm liền, Việt Nam đã duy trì được tỷ lệ tăng trưởng khá cao và ổn định. Năm 2002, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 7%, đứng thứ hai sau Trung Quốc (7,9%). Mặc dù tình hình thế giới và trong nước có những khó khăn lớn (cuộc chiến tại Irắc, dịch bệnh SARS và tình trạng thiên tai ở một số địa phương), song trong 9 tháng đầu năm 2003, tổng sản phẩm trong nước đã tăng 7,1%, đạt mức tăng trưởng cao nhất từ đầu kỳ kế hoạch 5 năm (2000 - 2005). Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 3,81%, khu vực dịch vụ đạt 2,65% và khu vực nông,

lâm nghiệp, thuỷ sản góp 0,64%. Nền kinh tế tăng trưởng nhanh và ổn định là cơ sở, nền tảng quan trọng để thúc đẩy sự phát triển trong tất cả các lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

Như đã nói ở trên, giữa phát triển nguồn nhân lực và đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá có mối quan hệ biện chứng với nhau. Vì thế, khi khẳng định vai trò quan trọng và sự tác động có tính quyết định của việc phát triển nguồn nhân lực đối với tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần phải thấy rằng, quá trình đó cũng có những ảnh hưởng trở lại đối với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực. Những tác động cơ bản của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đối với việc phát triển nguồn nhân lực được thể hiện trên một số nét cơ bản sau:

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là điều kiện vật chất cần thiết để cải biến nếp nghĩ, nếp làm vốn còn mang nặng dấu ấn tiểu nông, sản xuất nhỏ của một bộ phận đáng kể lực lượng lao động xã hội. Thực tế cho thấy, xã hội ta hiện nay không thuần tuý là một xã hội nông nghiệp, nhưng có lẽ cũng còn khá xa so với những tiêu chí, đặc trưng của một xã hội công nghiệp hiện đại như ở các nước phát triển. Xét về phương diện sức lao động xã hội, nông dân vẫn là lực lượng đông đảo, chiếm khoảng 80% dân số cả nước. Họ chủ yếu vẫn là những người tiểu nông, sản xuất nhỏ, ý thức tổ chức, kỷ luật chưa cao... Thậm chí, những đặc trưng đó vẫn còn chưa được gột rửa và có ảnh hưởng nhất định trong một bộ phận công nhân, viên chức. Vì thế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm biến nước ta thành một nước công nghiệp sẽ tạo nên

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t. 4. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 474.

sự thay đổi mạnh mẽ, tích cực trong thói quen, trong nhận thức và hành động mang tính kinh nghiệm trước đây của đa số lực lượng lao động vốn gắn với một xã hội nông nghiệp. Nói cách khác, sự hình thành và phát triển của các yếu tố hiện đại trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, trước hết là trong sản xuất, do đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước mang lại, sẽ tạo nên một cuộc cách mạng đối với lực lượng lao động xã hội.

Mặt khác, trong mỗi giai đoạn và trình độ của nó, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá luôn thúc đẩy sự phát triển chất lượng nguồn nhân lực, trước hết là trình độ văn hoá và tay nghề của người lao động. Điều này thể hiện ở chỗ, một mặt, sự phát triển của nó tạo ra điều kiện, cơ hội thuận lợi cho con người được tiếp cận với những dịch vụ xã hội ngày càng đầy đủ và hoàn chỉnh hơn về giáo dục, chăm sóc sức khoẻ, nâng cao mức sống... Mặt khác, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá lại đặt ra những *nhu cầu mới* về phương diện lao động, buộc con người - với tư cách là lực lượng sản xuất cơ bản, phải thường xuyên học tập, bồi dưỡng cả về trình độ văn hoá, chuyên môn và nhân cách để có việc làm, năng lực sáng tạo và khả năng thích nghi với những điều kiện mới. Có thể nói, những tác động như vậy, ở một mức độ nào đó, góp phần làm nên giá trị “vô tận, khai thác không bao giờ cạn” của nguồn nhân lực so với các nguồn lực khác.

Đồng thời, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn là cơ sở quan trọng cho việc thực hiện mục tiêu giải phóng và phát triển con người một cách toàn diện. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá không phải là mục đích tự thân. Trái lại, nó hướng đến mục tiêu “... tăng trưởng kinh

tế đi liền với phát triển văn hoá, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội...”(3). Tựu trung lại, trong quá trình phát triển xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá là phương tiện, phương thức để đạt đến một mục tiêu cao cả, đầy tính nhân văn mà lịch sử phát triển của nhân loại đã và đang tiếp tục phấn đấu - đó là vì cuộc sống hạnh phúc và ngày càng tốt đẹp của con người, vì sự giải phóng và phát triển toàn diện con người.

Ở Việt Nam, trong sự nghiệp đổi mới và thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, quan niệm coi con người là “mục tiêu và động lực” của sự phát triển kinh tế - xã hội trở thành quan niệm phổ biến. Phát triển nguồn nhân lực được coi là một bộ phận quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của nguồn nhân lực trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội*, Đảng ta đã khẳng định mục tiêu “phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài; giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội”(4). Đại hội lần thứ IX của Đảng tiếp tục

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 89.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.13.

khẳng định rằng, chúng ta cần phải nâng cao năng lực và tạo cơ hội cho mọi người đều có thể phát huy tài năng, tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả phát triển, đồng thời nâng cao trách nhiệm của mỗi người góp sức thực hiện *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*.

Với định hướng chiến lược đó, trong những năm gần đây, việc phát triển nguồn nhân lực ở nước ta được quan tâm đặc biệt, và thực tế, đã đạt được nhiều tiến bộ quan trọng. Mặc dù chưa phản ánh được toàn diện, song cho đến nay, chỉ số phát triển con người (HDI) vẫn luôn được xem là một tiêu chí căn bản để đánh giá chất lượng nguồn nhân lực. Báo cáo phát triển con người năm 2003 của Chương trình Liên hợp quốc (UNDP) đã nhận định rằng, trong thập kỷ qua, Việt Nam đã đạt được những *tiến bộ vượt bậc* về giảm nghèo và phát triển con người, xếp hạng thứ 109/175 nước (năm 2002, Việt Nam đứng thứ 109/173 nước). Chỉ số phát triển con người của Việt Nam liên tục được cải thiện: từ 0,583 năm 1985 tăng lên 0,605 năm 1990, 0,649 năm 1995 và 0,688 trong các năm 2002, 2003. Là nước có cùng mức thu nhập, song Việt Nam sử dụng thu nhập này để phát triển con người *nhiều hơn* so với Pakistan. Trong lĩnh vực xoá đói giảm nghèo, Việt Nam cũng được đánh giá là nước có mức giảm nhiều nhất trong số các nước đang phát triển (từ trên 70% vào giữa thập kỷ 80 của thế kỷ trước xuống còn khoảng 29% năm 2002).

Tuy nhiên, không thể phủ nhận một thực tế là, trên một số khía cạnh, sự phát triển nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế. Chẳng hạn, theo đánh giá của nhiều nhà khoa học, hiện vẫn còn nhiều cơ chế đang

siết chặt sự sáng tạo của đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ(5). Gần đây, mức đầu tư của nhà nước cho khoa học tuy có tăng (khoảng 0,8 - 0,9% GDP), nhưng vẫn còn thấp so với yêu cầu phát triển để theo kịp các nước trong khu vực. Chi phí bình quân cho một cán bộ khoa học - công nghệ của nước ta mới ở mức dưới 1000 USD, trong khi của Nhật Bản là 194.000 USD và của Thái Lan là 18.000 USD. Bên cạnh đó, một vấn đề cần lưu ý là, kết quả đánh giá của Hội nghị về Chất lượng giáo dục và Kỹ năng sống (do Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục tổ chức ngày 2 - 10 - 2003) cho thấy, tính theo thang điểm 10, chỉ số tổng hợp về chất lượng giáo dục và nguồn nhân lực của Việt Nam mới đạt 3,79 điểm, sự thành thạo tiếng Anh đạt 2,62 điểm và sự thành thạo công nghệ cao đạt 2,50 điểm. So sánh với các nước khác thuộc châu Á có tên trong bảng thống kê (bao gồm 12 nước), Việt Nam đứng thứ 11. Hàn Quốc đứng đầu với chỉ số tổng hợp về chất lượng giáo dục là 6,91 điểm. Singapo đứng thứ hai về chỉ số chất lượng giáo dục (6,81) nhưng lại dẫn đầu về khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh (8,33) và công nghệ cao (7,83). So với các nước trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam xếp thứ 5, sau các nước Singapo, Malaysia, Philippin và Thái Lan.

Cũng vậy, công tác xoá đói, giảm nghèo - một điều kiện quan trọng để giúp đỡ người nghèo có cơ hội tiếp cận các dịch vụ phát triển chất lượng nguồn nhân lực, tuy được thế giới đánh giá là có kết quả tốt, song vẫn còn chứa đựng một số yếu tố không bền vững. Điều này thể hiện ở chỗ,

(5) Xem: Báo Lao động, ngày 23 - 4 - 2003.

nguy cơ tái nghèo còn lớn và khoảng cách chênh lệch giàu nghèo ngày càng có xu hướng gia tăng (chỉ số GINI phản ánh sự chênh lệch này hiện đã lên tới 36,2 - cao hơn cả những nước giàu có nhất như Na Uy, Nhật Bản).

Những hạn chế, yếu kém về mặt chất lượng nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay, như tỷ lệ lao động qua đào tạo còn ít, trình độ chuyên môn thấp, không cân đối giữa các trình độ, ngành nghề..., trước hết và chủ yếu là do những bất cập của giáo dục - đào tạo, đặc biệt là đào tạo nghề. Một loạt vấn đề bức xúc, như tâm lý trọng bằng cấp và xem nhẹ kỹ năng nghề nghiệp còn khá phổ biến, mức đóng góp kinh phí học nghề cao, không có sự đào tạo liên thông và cơ hội nâng cao trình độ, người học không thấy tương lai của mình trong học nghề... đang là những rào cản công cuộc xã hội hoá đào tạo nghề. Trong khi ở châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc..., nhà nước đầu tư rất mạnh vào các trường cao đẳng cộng đồng, nơi mà các ngành nghề cần thiết cho địa phương được đào tạo thì, ở Việt Nam, lĩnh vực đào tạo nghề còn chưa thật sự được quan tâm. Cụ thể, kinh phí nhà nước dành cho dạy nghề rất hạn hẹp, chưa tới 5% tổng chi cho giáo dục - đào tạo. Một kết quả điều tra gần đây tại các trường dạy nghề cho thấy, về trình độ chuyên môn, số giáo viên có trình độ trên đại học chỉ chiếm 2,7%, đại học và cao đẳng chiếm 60,7%, số giáo viên dạy nghề có trình độ tay nghề bậc cao (6/7, 7/7) chiếm tỷ lệ rất thấp, thậm chí không có ở một số trường dạy nghề. Vì thế, logic tất yếu là xã hội phải hứng chịu tình trạng mất cân đối về cơ cấu lao động qua đào tạo (giữa các trình độ, ngành nghề) và thiếu hụt nghiêm trọng đội ngũ

lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề. Thực tế, để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh, một số doanh nghiệp thuộc các khu công nghiệp, khu chế xuất... đã phải tính đến phương án nhập khẩu lao động có chất lượng từ nước ngoài. Chẳng hạn, Công ty Giày thể thao Ching Luh Shoes (khu công nghiệp Bến Lức - Long An) dự kiến nhập khẩu 500 lao động nước ngoài và tuyển 500 lao động trong nước để đào tạo trực tiếp theo phương thức "1 kèm 1" cho đến khi nhà máy đủ công nhân.

Như vậy, vấn đề quan trọng và cấp bách đặt ra hiện nay là, để có được nguồn nhân lực thật sự có khả năng tiến hành thành công sự nghiệp hiện đại hoá xã hội, chiến thắng trên mặt trận hội nhập kinh tế thế giới và hướng đến nền kinh tế tri thức, cần có một chiến lược phát triển nguồn nhân lực đúng đắn, hợp lý; trong đó, trước hết là phải thay đổi một cách cơ bản và toàn diện hiện trạng giáo dục - đào tạo như Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX đã vạch ra.

Với khả năng "sáng tạo nên lịch sử của mình", con người trở thành *động lực căn bản nhất* của sự phát triển xã hội, đặc biệt là của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Cũng tất yếu như vậy, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là *phương thức hiệu quả nhất* để hiện thực hoá những điều kiện, cơ hội và khả năng phát triển con người - nguồn lực cơ bản của xã hội trên mọi phương diện, nhất là về mặt chất lượng. Đó cũng chính là ý nghĩa phổ quát trong quan điểm của Đảng, khi xác định con người là *mục tiêu*, là *động lực* của tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. □